

Số: 52/NQ - ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản số 51/BB-ĐHĐCĐ-TMC họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ngày 15/5/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Quy chế tổ chức Đại hội, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (có tài liệu kèm theo).

Điều 2. Tán thành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Doanh thu: 1.259.586 triệu đồng
- Tổng quỹ tiền lương: 225.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 122.015 triệu đồng

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Tổng doanh thu: 1.434.966 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 150.126 triệu đồng;
- Tổng quỹ lương sản phẩm: 240.000 triệu đồng;
- Lao động trong kỳ: 1.296 người;
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2026: 50,5%

Điều 3. Tán thành tờ trình số 1264/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 với tổng giá trị kế hoạch là 78,75 tỷ đồng.



Điều 4. Tán thành Báo cáo số 1265/BC-TMC ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty đánh giá thực trạng quản lý năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 5. Tán thành Báo cáo số 1266/BC-TMC-BKS ngày 23/4/2026 của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026.

Điều 6. Tán thành Tờ trình số 1409/TTr-TMC ngày 06/5/2026 của HĐQT Công ty về việc thông qua Báo cáo tài chính sau kiểm toán đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISIC phát hành ngày 05/5/2026.

Điều 7. Tán thành việc phân phối lợi nhuận năm 2025 với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2025
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	122 015 802 855
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	25 306 272 974
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	96 709 529 881
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	15 222 727 572
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	111 932 257 453
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (%)		50
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay bằng tiền mặt	Đồng	90 000 000 000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=8.1+8.2+8.3)	Đồng	17 633 799 434
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	953 799 434
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	16 680 000 000
	- Quỹ khen thưởng	Đồng	9 081 000 000
	- Quỹ phúc lợi	Đồng	7 599 000 000
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	4 298 458 019

Điều 8. Tán thành tờ trình số 1270/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của HĐQT Công ty về việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 cụ thể:

TT	Chức danh	Mức lương CB đề XD (Trđ/th)	Mức lương XD thù lao TH 2025	SL	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Thực hiện năm 2025
1	Chủ tịch HĐQT	52,00	62,40	1	20%	12.480.000	12	149.760.000
2	Thành viên HĐQT	46,00	55,20	4	20%	11.040.000	12	529.920.000
3	Trưởng BKS	46,00	55,20	1	20%	11.040.000	12	132.480.000
4	Thành viên BKS	42,00	50,40	4	20%	10.080.000	12	483.840.000
	Cộng							1.296.000.000

TT	Chức danh	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Mức lương XD thù lao TH 2025	SL	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Thực hiện năm 2025
	Cộng							1.296.000.000

Năm 2025, Công ty đã thực hiện cho trả thù lao cho HĐQT, BKS với tổng số tiền 1,080 tỷ đồng theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Công ty thực hiện quyết toán chi trả đối với thành viên HĐQT, BKS với số tiền 216 triệu đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát Công ty năm 2026:

TT	Chức danh	Mức lương CB theo ND-248 (Trđ/th)	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/th	Số tháng	KH chi trả năm 2026
1	Chủ tịch HĐQT	37,0	74,0	1	20%	14.800.000	12	177.600.000
2	Thành viên HĐQT	31,0	62,0	4	20%	12.400.000	12	595.200.000
3	Trưởng BKS	31,0	62,0	1	20%	12.400.000	12	148.800.000
4	Ủy viên BKS	30,0	60,0	4	20%	12.000.000	12	576.000.000
	Cộng			10				1.497.600.000

Điều 9. Tán thành Tờ trình số 1267/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 10. Tán thành Tờ trình số 1271/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của HĐQT Công ty về việc sửa đổi bổ sung lần thứ 6 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Đại hội giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện và ban hành Điều lệ sửa đổi bổ sung theo thẩm quyền.


Điều 11. Tán thành Tờ trình số 1273/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của HĐQT Công ty về việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Đại hội giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết chế theo thẩm quyền.

Điều 12. Không tán thành Tờ trình số 1272/TTr-TMC ngày 23/4/2026 của Công ty về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 13. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico./.

Nơi nhận: 

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN; HNX; VSDC (để B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD, Kế toán trưởng;
- Lưu: HĐQT, VP.

TM. ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CHỦ TỊCH HĐQT



Lý Xuân Tuyên



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Thời gian: 8h00', thứ sáu ngày 15 tháng 5 năm 2026

Địa điểm: Hội trường số 1, Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Địa chỉ: Số 89, Phú Xá 3, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên.

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
1	Từ 8h00' đến 11h30	- Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông - Kiểm tra thông tin cổ đông	Ban tổ chức Ban KT thông tin CD	
2		- Chào cờ - Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức Ban KT thông tin CD	
3		- Giới thiệu đại biểu - Mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức	
4		- Khai mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	
		- Giới thiệu, thông qua Tổ thư ký - Giới thiệu, thông qua Ban kiểm phiếu		Thẻ biểu quyết
		- Thông qua chương trình Đại hội		Thẻ biểu quyết
5		- Trình bày Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức	
6		- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
7		- Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
8		- Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2026	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
9		- Tờ trình thông qua Kế hoạch ĐTXD năm 2026		
10		- Báo cáo của HĐQT về đánh giá thực trạng quản lý năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
11		- Báo cáo BKS về hoạt động năm 2025 phương hướng hoạt động năm 2026	Trưởng BKS	Thẻ biểu quyết

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
12		- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026		Thẻ biểu quyết
13		- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2025;	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
14		- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
15		- Tờ trình thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025. Kế hoạch thực hiện năm 2026	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
16		- Tờ trình sửa đổi bổ sung lần thứ 6 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
17		- Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
18		- Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
19		- Thảo luận các nội dung Báo cáo, tờ trình (STT từ 07-18)	Chủ tọa Đại hội	
20		- Nghỉ giải lao.		
21		- Biên bản kiểm phiếu các nội dung đã trình tại ĐH	Ban kiểm phiếu	
22		- Trình bày và thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
23		- Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công, tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, ĐIỀU KIỆN
NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/3/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người

khác dự họp Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

a) Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông: (i) nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; (ii) nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội đồng

cổ đông không nhận Thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa đại hội có thể mời 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành Công ty để cùng điều hành Đại hội.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

- a) Chủ trì, điều khiển Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 7 Điều 19, Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước Đại hội đồng cổ đông về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 07 (bảy) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm số thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình CCCD hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử, các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 25/3/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì việc triệu tập và Đại hội đồng cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá năm (5) phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu

cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết (nội dung giơ thẻ được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Điều kiện thông qua

a) Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

b) Đối với nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội

a) Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và công bố thông tin theo quy định.

2. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico bao gồm 04 chương, 17 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. /.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ năm 2026;
- Cổ đông;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN-TKV
CÔNG TY CP KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1263 /BC-TMC

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Long

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2026

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN- TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

Số: 1263/BC-TMC

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, triển khai kế hoạch SXKD 2025 luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Lãnh đạo Tổng công ty, Tập đoàn và Địa phương nơi có đơn vị hoạt động sản xuất. Các giải pháp quản lý, điều hành SXKD được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, phù hợp với sự biến động của thị trường trong từng thời điểm để triển khai thực hiện kế hoạch SXKD.

Giá kim loại trên thế giới duy trì ổn định, công tác tiêu thụ các sản phẩm của Công ty thuận lợi.

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít khó khăn, đó là:

- Tình hình tài nguyên ngày càng khó khăn: Hàm lượng quặng nguyên khai thực tế giảm nhiều so với tài liệu khi lập dự án khai thác. Các mỏ phải cân đối, điều chỉnh khai thác, chọn lọc tại các công trường có hàm lượng phù hợp để đáp ứng sản xuất của Công ty;

- Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đồi núi và các tuyến đường, mất điện dài ngày do cơn bão số 11 (bão MATMO) gây ra, ảnh hưởng tới sản xuất tại các đơn vị mỏ, đặc biệt tại mỏ Lang Hít và mỏ Núi Pháo.

Mặc dù vậy, bằng việc xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết và triển khai nhiều nhóm giải pháp kịp thời, đồng bộ, năm 2025 Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

- Sản xuất năm 2025 toàn Công ty đã chủ động điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với sự biến động của từng thời điểm. Công tác chỉ đạo sản xuất luôn coi nhiệm vụ đảm bảo ATLĐ, BVMT lên hàng đầu.

- Công ty và các đơn vị bám sát các giải pháp điều hành đã ban hành tại Quyết định số 28/QĐ-TMC ngày 03/01/2025 gồm 09 nhóm giải pháp. Phát triển tài nguyên; Triển khai dự án cải tạo môi trường tại Nhà máy kẽm giai đoạn 2, thu hồi các sản phẩm có ích trong đuôi thải khâu sản xuất kẽm (Dự án đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện tại Nhà máy Kẽm); Ổn định công nghệ tuyển khoáng, giảm độ lẫn, giảm hàm lượng đuôi thải, nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm khâu tuyển khoáng.

- Tăng cường tận thu tài nguyên: Thực hiện lắp đặt đồng bộ, vận hành sản xuất công nghệ và thiết bị thu hồi Bạc từ nguồn bùn thủy luyện trong quá trình sản xuất kẽm kim loại từ tinh quặng kẽm đã đạt được kết quả nhất định.

- Việc xin cấp giấy phép môi trường các đơn vị đã cơ bản hoàn thành theo tiến độ. Trong năm, đã được phê duyệt 2 giấy phép môi trường: Giấy phép môi trường Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên và Giấy phép môi trường Xưởng tuyển Kẽm chì Làng Hích giai đoạn 2.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025		So sánh thực hiện (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH cả năm	Cùng kỳ 2024
1	Doanh thu	Tr.đ	1.175.688	1.259.586	107,14	108,22
2	Lợi nhuận	"	85.116	122.016	143,35	136,36
3	Chế độ người lao động					
-	Lao động thực tế bq KH	người	1.287	1.246	96,82	97,73
-	Tổng quỹ lương	Tr.đ	214.000	225.000	105,14	111,39
-	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	13,86	15,05	108,60	113,98
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	182.320	187.159	102,65	121,37
5	Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
-	Kẽm thời	Tấn	11.800	12.050	102,12	102,12
-	A xít sunfua ric	"	19.000	18.050	95,00	103,91
-	Tinh quặng chì sunfua	"	3.474	3.597	103,56	103,55
-	Tinh quặng bạc		370	218	58,94	-
	Tinh quặng Ag quy 3.000g/tấn		370	377	101,77	-
-	Tinh quặng chì oxit 20%	"	2.500	1.542	61,66	254,79
-	Tinh quặng thiếc	"	156	99	63,32	71,28
	Quy thiếc thời		73	44	59,74	67,99
-	Tinh quặng đồng	"	825	1.090	132,19	88,92
6	Tiêu thụ					
-	Kẽm thời 99,95% Zn	Tấn	11.800	11.939	101,18	130,37
-	Axít H2SO4 (bán)	"	17.124	16.679	97,40	111,00
-	Tinh quặng chì sufua	"	3.474	3.524	101,46	103,78
-	Tinh quặng chì Ôxit		3.105	2.107	67,85	-
-	Thiếc thời	"	73	45	61,24	71,64
-	Tinh quặng đồng	"	1.225	1.574	128,54	158,48

2. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầu tư hoàn thành các dự án, công trình hoàn thiện công nghệ sản xuất luyện kim, tận thu nguồn kim loại, tạo sản phẩm mới có giá trị của Công ty, cải thiện điều kiện môi trường làm việc và đời sống cho người lao động. Cụ thể là: Dự án cải tạo môi trường Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên; Dự án đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn; Đầu tư hệ thống vận thăng chở người thuộc Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít.

Ngoài ra, Công ty đã tập trung hoàn thành và triển khai thực hiện thi công các công trình bãi chứa thải quặng đuôi của các xưởng tuyển tại các mỏ như: Đầu tư xây dựng bãi chứa quặng đuôi tại Chi nhánh BMC (giai đoạn 2); Đầu tư bổ sung bãi chứa đuôi thải khu vực kho Mộc - Xưởng tuyển kẽm chì Làng Hích; Đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền.

- Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng: 64,483 tỷ đồng, bằng 100,22% kế hoạch năm (giá trị đã giải ngân trên BCTC 60,8 tỷ đồng).

3. Công tác phát triển tài nguyên

- Công tác lập đề án thăm dò nâng cấp phát triển mỏ giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040: (1) Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép mỏ Chợ; (2) Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Núi Pháo; (3) Đề án thăm NCTL mỏ kẽm chì Cúc Đường

- Công tác khoan phục vụ khai thác: Khối lượng mét khoan đạt 13.830/12.000 mk bằng 115,25% KH năm, làm rõ 150.000 tấn quặng sulfur kẽm chì, 17.000 tấn quặng thiếc đồng đủ điều kiện huy động để phục vụ cho khai thác năm 2025 và những năm tiếp theo.

4. Công tác An toàn - Môi trường

- Công ty luôn xác định sản xuất phải đi đôi với đảm bảo an toàn và môi trường. Tăng cường kiểm tra định kỳ, phúc tra, kiểm tra chuyên đề tại các đơn vị thành viên. Kiểm tra rà soát kế hoạch PCTT-TKCN tại các đơn vị trong Công ty để các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Trong năm đã tích cực làm việc với các cơ quan chức năng để được cấp giấy phép môi trường cho các đơn vị: Giấy phép môi trường giai đoạn 2 Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên, Giấy phép môi trường bãi thải kho Mộc xưởng tuyển kẽm chì Làng Hích và Giấy phép môi trường giai đoạn 2 bãi thải xưởng tuyển Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn.

5. Công tác quản trị chi phí, tài chính kế toán

5.1. Công tác quản trị chi phí: Trong năm 2025, công tác quản trị chi phí đã thực hiện tốt các giải pháp đề ra, quản lý chi phí tại các đơn vị chặt chẽ. Công ty đã linh hoạt trong điều hành, tiết kiệm chi phí giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ giảm so với kế hoạch, giá trị tiết kiệm theo giá giao là 4,48 tỷ đồng.

5.2. Công tác tài chính kế toán:

Tổng dòng tiền từ bán hàng trong năm 2025 dự kiến là 1.234,5 tỷ đồng, năm 2024 là 1.180,3 tỷ đồng (tăng 54,2 tỷ đồng so với năm 2024) tạo điều kiện thuận lợi

cho công tác điều hành dòng tiền phục vụ sản xuất của Công ty được ổn định.

- Thu xếp vốn cho SXKD: Thu xếp đủ vốn phục vụ đầu tư XDCB và SXKD của toàn Công ty, bố trí đầy đủ vốn lưu động cho các đơn vị, tổng vốn lưu động toàn Công ty là 1.246,2 tỷ đồng.

- Công tác tín dụng: Trong năm, đã huy động và sử dụng các hạn mức vốn vay ngắn hạn, dài hạn ở mức hợp lý, tiết giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch là 2,4 tỷ đồng (KH là 3,7 tỷ đồng, thực hiện là 1,3 tỷ đồng).

- Công tác điều hành các hệ số tài chính: Trong năm, các hệ số tài chính của Công ty ở mức tốt, trong đó: Hệ số bảo toàn vốn là 1,48 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn là 0,9 lần (quy định là trên 0,5 lần). Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư chủ sở hữu là 39,8% (quy định trên mức lãi tiền gửi ngân hàng). Công ty được các ngân hàng xếp loại tín nhiệm tài chính ở mức cao.

6. Công tác lao động, tiền lương

- Thực hiện tốt chế độ quyền lợi cho người lao động. Phương án trả lương và cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động ngày một hoàn thiện hơn như: Thực hiện xây dựng phương án trả lương gắn với hiệu quả công việc, gắn với công tác an toàn môi trường, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất và hiệu quả như lao động khai thác hầm lò, lao động luyện kim, lao động tuyển khoáng.

- Trong năm 2025, thực hiện phương án rà soát, sắp xếp tổ chức định biên đảm bảo nguyên tắc “tinh gọn bộ máy”, “tinh giản lao động”, Công ty đã điều hành linh hoạt lao động giữa các đơn vị đảm bảo sản xuất hiệu quả, thu nhập của lao động hầm lò, luyện kim, tuyển khoáng ổn định.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Tình hình kinh tế thế giới mặc dù có một số tín hiệu tích cực, giá bán các sản phẩm kim loại màu hiện đang ở mức cao. Tuy nhiên, dự báo tình hình SXKD năm 2026 còn nhiều khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế Thế giới, ảnh hưởng của các cuộc xung đột của các nước trên thế giới (Nga – Ukraine; Israel – Iran) dẫn đến việc cung cấp nguyên, nhiên liệu cho các đơn vị sản xuất gặp nhiều khó khăn giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh, thị trường khoáng sản diễn biến khó lường; Điều kiện khai thác của các công trường ngày càng xuống sâu, nghèo về hàm lượng; Các khoản thuế, phí ngày càng tăng; Thủ tục hành chính trong việc xin nâng cấp, phát triển tài nguyên mất nhiều thời gian. Đặc biệt khó khăn trong công tác cung cấp nguồn nguyên liệu cho Nhà máy luyện kim

Trước tình hình đó, đòi hỏi Công ty phải chủ động có các giải pháp điều hành hợp lý, quyết liệt, linh hoạt từng thời điểm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, phấn đấu giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng doanh thu: 1.434,966 tỷ đồng, bằng 113,92% so với TH năm 2025;
- Nộp ngân sách: 220,518 tỷ đồng, bằng 117,82 % so với TH năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế: 150,126 tỷ đồng, bằng 123,04% so với TH năm 2025;
- Tổng quỹ lương sản phẩm: 240,0 tỷ đồng, bằng 106,67% so với TH năm 2025;

- Lao động trong kỳ 1.296 người, bằng 104,01% so với TH năm 2025;
- Tiền lương BQ: 15,43 tr.đ/ng/tháng, bằng 102,55% so với TH năm 2025;
- Tổng giá trị SCL: 39,063 tỷ đồng, bằng 115,65% so với TH năm 2025;
- Tổng giá trị ĐTXD: 78,75 tỷ đồng;
- Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2026: 50,5%.

2. Các chỉ tiêu sản xuất và tiêu thụ

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Kẽm thời	tấn	11.900	11.900
	<i>Kẽm thời sản xuất</i>	<i>Tấn</i>	<i>8.500</i>	<i>8.500</i>
	<i>Kẽm thời gia công</i>	<i>Tấn</i>	<i>3.400</i>	<i>3.400</i>
2	Axit sunfuric	tấn	17.800	15.775
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	tấn	3.440	3.440
4	Tinh quặng chì oxit 20%	tấn	2.500	2.500
5	Tinh quặng bạc (hàm lượng 3.000g/t)	tấn	900	900
6	Thiếc thời	tấn	59	59
7	Tinh quặng đồng	tấn	1.000	1.000

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Đối với công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Điều hành linh hoạt về mặt sản lượng đảm bảo đúng quy định pháp luật và đạt hiệu quả kinh tế cao nhất; Sản xuất đảm bảo ATMT, kiên quyết không để xảy ra các vụ mất ATLĐ nặng và sự cố môi trường loại I, II.

- Tìm kiếm thị trường, ký hợp đồng nguyên tắc đối với khách hàng có nguồn nguyên liệu tinh quặng kẽm đảm bảo độ tin cậy để gia công kẽm thời, phục vụ Nhà máy kẽm sản xuất liên tục khi nguồn nguyên liệu của Công ty không đáp ứng đủ.

2. Công tác phát triển tài nguyên:

- Tập trung công tác phát triển tài nguyên, triển khai các đề án nâng cấp trữ lượng các mỏ Công ty đang quản lý (mỏ Chợ Điền và mỏ Núi Pháo, Cúc Đường).

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác khoan phục vụ khai thác, nâng cao mức độ tin cậy tài liệu địa chất.

3. Giải pháp triển khai hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng

Phân đầu hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2026 :

+ Hoàn thành Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền ngay trong quý I/2026.

+ Triển khai thực hiện Đầu tư lò thiêu lớp sôi duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư hệ thống lò hơi nhiệt dư công suất 2 tấn/h tại Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên.

+ Khẩn trương thực hiện xong các thủ tục pháp lý về chứng nhận đầu tư, giấy phép môi trường và triển khai thực hiện Dự án điều chỉnh mỏ chì kẽm Lang Hít (bổ sung bãi thải Sa Lung).

KẾT LUẬN

Năm 2025, thực hiện kế hoạch SXKD toàn Công ty gặp rất nhiều khó khăn; Song với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể CBCNV, sự vận dụng linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, Công ty đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt là một số lĩnh vực mang tính chiến lược, ổn định lâu dài như: Lắp đặt đồng bộ, chạy vận hành ổn định lò quay xử lý bùn thủy luyện kẽm và quy trình vận hành chạy thử bán thủy luyện các dây chuyền công nghệ hòa tách, kết nối xử lý khí lò quay khi dây chuyền hoạt động; Triển khai đưa vào sản xuất dây chuyền thu hồi Ag từ bùn thủy luyện sản xuất kẽm thỏi. Ban điều hành Công ty xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, sự tin tưởng của Quý vị cổ đông, các đối tác đã sát cánh với Công ty trong suốt thời gian qua; sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBCNV đã kiên trì vượt khó, duy trì sản xuất ổn định, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.

Bước sang năm kế hoạch 2026, tuy vẫn còn nhiều khó khăn thử thách mà Công ty phải đối mặt. Song chúng ta tin tưởng rằng với truyền thống đoàn kết, thống nhất của tập thể người lao động Công ty, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của HĐQT Công ty, của Tổng Công ty và chính quyền địa phương, Sự chỉ đạo quyết liệt trong điều hành của Ban giám đốc, Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico sẽ quyết tâm hoàn thành toàn diện các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2026.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, P.KHKT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Long

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1264/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành sửa đổi theo Quyết định số 3666/QĐ-TMC ngày 01/10/2025 của HĐQT Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 03/2/2026 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026;

HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2026 xem xét thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026, cụ thể như sau:

Tổng giá trị kế hoạch: 78.750 triệu đồng. Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 19.340 triệu đồng.
- Các dự án mới: 56.710 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư: 2.700 triệu đồng.

Cơ cấu đầu tư:


- Xây dựng: 22.715 triệu đồng.
- Thiết bị: 51.520 triệu đồng.
- Khác: 4.515 triệu đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn chủ sở hữu: 38.528 triệu đồng.
- Vốn vay thương mại: 40.222 triệu đồng.

(Có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như kính gửi (vb);
- HĐQT Cty (scan);
- Lưu VP; P.ĐTXD; Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Lý Xuân Tuyên

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

Đơn vị: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

(Kèm theo Tờ trình số 1264 /TTr-TMC ngày 23 / 4 /2026)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Dự án/ công trình	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Thời gian thực hiện	Đơn vị	Khối lượng	Giá trị kế hoạch năm 2026					
						Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn	
							Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác	Vốn CSH	Vốn Vay TM
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ (I+II+III)					78 750	22 715	51 520	4 515	38 528	40 222
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP					19 340	11 915	7 050	375	14 405	4 935
1	Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền	19.551	Năm 2025-2026	DA	1	11.790	11.415	-	375	11.790	-
2	Đầu tư thiết bị lò thiêu lớp sôi duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên	14.950	Năm 2025-2026	DA	1	7.550	500	7.050	-	2.615	4.935
II	CÁC DỰ ÁN MỚI					56 710	10 800	44 470	1 440	21 423	35 287
1	Đầu tư hệ thống lò hơi nhiệt dư tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên	20.500	Năm 2026	DA	1	20.500	500	20.000	-	6.500	14.000
2	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất tại Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích và Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn năm 2026	9.485	Năm 2026	DA	1	9 485	450	8 785	250	2 846	6 640
3	Kho vật liệu nổ công nghiệp 3 tấn khu Xóm Cúc (mỏ Cúc Đường) - Chi nhánh Mỏ tuyển Làng Hích	1.700	Năm 2026	DA	1	1.700	1 650		50	1.700	-
4	Kho vật liệu nổ công nghiệp Đèo An - Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	1.800	Năm 2026	DA	1	1.800	1 450		350	1.800	-
5	Kho vật liệu nổ công nghiệp Khuổi Khem - Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	1.800	Năm 2026	DA	1	1.800	1 450		350	1.800	-

TT	Tên Dự án/ công trình	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Thời gian thực hiện	Đơn vị	Khối lượng	Giá trị kế hoạch năm 2026					
						Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn	
							Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác	Vốn CSH	Vốn Vay TM
6	Đầu tư duy trì sản xuất Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên năm 2026	13.195	Năm 2026	DA	1	13.195	1.500	11.495	200	3.959	9.237
7	Đầu tư duy trì hoạt động Cơ quan Công ty năm 2026	4.230	Năm 2026	DA	1	4.230	-	4.190	40	1.619	2.611
-	Thiết bị văn phòng (máy photocopy)			Cái	1	500		500		500	-
8	Đầu tư xây dựng nhà văn phòng làm việc Chi nhánh Mỏ tuyển Làng Hách	4.000	Năm 2026	DA	1	4.000	3.800		200	1.200	2.800
III	CHUẨN BỊ DỰ ÁN					2.700	-	-	2.700	2.700	-
1	Đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ thiếc gốc Tây Nam Núi Pháo (CS 40.000 tấn/năm)	86.000	Năm 2027-2036	DA	1	500			500	500	-
2	Đầu tư nâng công suất mỏ kẽm chì Chợ Điện, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (CS 140.000 tấn/năm)	95.000	Năm 2027-2028	DA	1	600			600	600	-
3	Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ Chì kẽm Lang Hít, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên nay là xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên (điều chỉnh)	32.000	Năm 2027-2028	DA	1	800			800	800	-
4	Đầu tư hệ thống thu bụi tĩnh điện tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên	6.000	Năm 2027	DA	1	200			200	200	-
5	Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền luyện chì CS 5000 tấn/năm	150.000	Năm 2027	DA	1	600			600	600	-

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quản lý năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Nghị quyết số 118/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/8/2025 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2025;

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico báo cáo kết quả hoạt động như sau:

I. Hoạt động của Công ty năm 2025

1. Đặc điểm tình hình

a) Thuận lợi

Công ty luôn chủ động linh hoạt trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cùng với tập thể CBCNV đã đồng tâm đồng sức phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất đề ra.

b) Khó khăn

- Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, năm 2025 tỉnh Thái Nguyên chịu ảnh hưởng nặng nề do cơn bão MATMO do vậy Công ty cũng bị ảnh hưởng trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất tại Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích.

- Các quy định của nhà nước đối với khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ đã tác động trực tiếp đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh

- Công ty đã thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên (25/4/2025) và ĐHĐCĐ bất thường (28/8/2025) đề ra, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, địa phương, đảm bảo việc làm cho người lao động. Năm 2025, thu nhập của người lao động có sự tăng trưởng so với năm 2024 và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra.

- Công tác điều hành sản xuất duy trì linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế trong nước và thế giới. Tiến độ giải quyết công việc cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong điều hành giải quyết công việc.

- Năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện công tác phát triển tài nguyên mỏ để đảm bảo cung ứng đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất. Tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 đã thông qua 3 đề án gồm đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ Điền; Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây núi Pháo và Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường với tổng giá trị 100,460 tỷ đồng mục tiêu thực hiện tốt công tác phát triển tài nguyên để đảm bảo nguyên liệu phục vụ sản xuất xây dựng Công ty phát triển bền vững.

- Trong năm 2025, Công ty đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua Phương án rà soát sắp xếp tổ chức của Công ty, đã thực hiện chấm dứt hoạt động của 01 chi nhánh (Xí nghiệp Thiếc Đại Từ) điều động toàn bộ lao động, máy móc thiết bị của Xí nghiệp Thiếc Đại từ giao cho Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích; chuyển tên gọi Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích thành Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích. Hiện nay Công ty có 3 chi nhánh đơn vị thành viên gồm Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn, Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích và Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên. Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi công nghệ từ thủy luyện toàn phần sang bán thủy luyện tạo ra sản phẩm mới cho Công ty là tinh quặng bạc.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được thì vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

(1) Một số sản phẩm chưa đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra.

(2) Thiếu nhân lực chất lượng cao ở một số vị trí kỹ thuật, công nhân sản xuất chính trực tiếp tạo ra sản phẩm.

(3) Hiện nay Công ty chưa ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, do Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2020; năm 2021 và năm 2023 không thông qua việc ban hành Quy chế (tổng số phiếu tán thành thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đạt tỷ lệ < 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội quy định tại Điều lệ Công ty), dẫn đến khó khăn trong công tác quản trị. Nội dung này, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có 02 văn bản tại công văn số 1953/SGDHN-QLNY ngày 04/9/2025 và Công văn số 953/SGDHN-QLNY ngày 13/4/2026 về việc yêu cầu Công ty giải trình liên quan đến quản trị Công ty do chưa ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, dấu hiệu chưa tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo khoản 2 Điều 270 và khoản 6 Điều 278, Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

II. Hoạt động, thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị năm 2025

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2025 đã tổ chức 21 phiên họp HĐQT; tổ chức 02 kỳ họp ĐHĐCĐ ban hành 78 Nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD. Về trình tự, thủ tục tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, quy định của Pháp luật và được thực hiện công bố thông tin đảm bảo thời gian. Trong các cuộc họp của HĐQT đã mời Trưởng ban kiểm soát và các thành viên BKS tham gia và có ý kiến liên quan đến công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty cũng như những chính sách, định hướng của Công ty trong quá trình sản xuất.

- HĐQT đã chỉ đạo Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành Công ty triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thường xuyên tham vấn các ý kiến của Hội đồng quản trị, giữ mối liên lạc để kịp thời điều phối hoạt động SXKD phù hợp với thực tế.

- Đánh giá hệ số bảo toàn vốn

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 1,17 lần

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,87 lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 53,73%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 18,43%

2. Lương, thù lao và các chế độ khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Chính sách thưởng và chi trả thù lao của HĐQT, BKS, viên chức quản lý thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 đã được thông qua cụ thể:

- Thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện trong năm với số tiền 1,296 tỷ đồng.

- Khoán, thưởng viên chức quản lý với số tiền 1,727 tỷ đồng

- Các chế độ của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc được thực hiện theo quy định của Công ty và được thể hiện trên báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025 của Công ty; báo cáo thường niên năm 2025 và được công bố thông tin theo quy định.

III. Kết quả giám sát với Ban điều hành và bộ máy quản lý Công ty

1. Các thành viên trong Ban Giám đốc có kinh nghiệm trong quản lý và điều hành, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách. Trong năm 2025 đã bổ nhiệm 01 đồng chí Phó Giám đốc Công ty để đảm bảo hoạt động trong công tác quản lý điều hành các lĩnh vực sản xuất.

2. Giám đốc Công ty đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho các Phó Giám đốc, định kỳ tổ chức họp giao ban lãnh đạo để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai kế hoạch công việc tuần kế tiếp song song với đó là tổ chức các cuộc họp nghiệm thu tháng, sơ kết của tháng để đề ra những giải pháp trong SXKD.

3. Ban Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của Pháp luật.

4. Các cán bộ quản lý trong Công ty có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức. Có kinh nghiệm, chủ động, kịp thời tham mưu đề xuất ý kiến với Ban Giám đốc điều hành để đưa ra những quyết định phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Vốn của Chủ sở hữu tại Công ty đã được bảo toàn.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Công tác lập kế hoạch

- Tổng doanh thu dự kiến: 1.434,966 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 150,126 tỷ đồng;

- Tổng quỹ tiền lương dự kiến: 240 tỷ đồng;
- Lao động dự kiến: 1.296 người;
- Tiền lương bình quân dự kiến: 15,43 tr.đ/ng/tháng;
- Sửa chữa lớn dự kiến: 39,063 tỷ đồng.
- Kế hoạch ĐTXD: 78,750 tỷ đồng
- Các chỉ tiêu sản phẩm sản xuất chủ yếu:
- + Kẽm thỏi: 11.900 tấn;
- (Trong đó: Tự sản xuất: 8.500 tấn; Gia công: 3.400 tấn)
- + Axit : 17.800 tấn;
- + Tinh quặng chì sunfua: 3.440 tấn;
- + Thiếc thỏi: 59 tấn;
- + Tinh quặng đồng: 1.000 tấn.
- + Tinh quặng bạc: 900 tấn
- + Tinh quặng chì ô xít 2.500 tấn

2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026 đề ra. Tăng cường giám sát, chỉ đạo Ban điều hành từ Công ty đến các đơn vị thực hiện tốt công tác SXKD, ĐTXD, ATMT với mục tiêu đảm bảo an toàn lao động, hiệu quả và có lợi nhuận. Chỉ đạo thực hiện tốt việc đảm bảo cung cấp nguyên nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho sản xuất; quản lý tốt các chỉ tiêu tài chính trong năm, tăng cường quản trị dòng tiền và rủi ro tài chính là ưu tiên hàng đầu đảm bảo an toàn cho hoạt động SXKD của Công ty.

- HĐQT sẽ chỉ đạo Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển tài nguyên tập trung vào các đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng các điểm mỏ hiện có của Công ty được giao quản lý đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để mở rộng điểm mỏ phục vụ cho SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục ổn định công nghệ tại các đơn vị đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đồng thời tìm kiếm, học hỏi với các đơn vị có kinh nghiệm để xây dựng Dự án tinh luyện chì.

- Tiếp tục lập kế hoạch đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật để tạo nguồn kế cận cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty (khai thác, luyện kim) và bổ sung lực lượng lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề để phục vụ cho các đơn vị. Rà soát định biên lại lao động để đảm bảo tỷ lệ cơ cấu hợp lý theo quy định giữa các khối quản lý, công nghệ, phục vụ phụ trợ.

- Tiếp tục xây dựng cơ chế trả lương, thưởng có sự tăng trưởng gắn với hiệu quả công việc, quan tâm đến đời sống tinh thần cho người lao động nhất là công nhân hầm lò.

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cơ giới hóa mô hình, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Cập nhật và ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành và quản trị các lĩnh vực từ Công ty đến các đơn vị.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định hiện hành tạo hành lang pháp lý cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Hội đồng quản trị tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của từng thành viên.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026, rất mong các Cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày một phát triển.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; Thư ký Công ty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên



Số: 1266/BC-BKS-TMC

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2026**

Kính thưa: Quý vị cổ đông của Công ty
 Quý vị đại biểu

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP KLM Thái Nguyên;

Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần KLM Thái Nguyên;

Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty CP KLM Thái Nguyên trong năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học (MOORE AISIC);

Căn cứ vào các tài liệu hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2025.

Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025.

2. Kiểm tra giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học (MOORE AISIC).

4. Tham gia các cuộc họp của HĐQT, theo dõi, phát biểu ý kiến đóng góp cho các cuộc họp.

5. Phối hợp cùng Công ty xử lý điều chỉnh một số nội dung trong BCTC.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1.1. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Công ty:

Thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH với KH (%)
I	Sản phẩm sản xuất				
1	Kẽm thỏi	Tấn	11.800	12.050	102,1
	<i>Kẽm thỏi sản xuất</i>	<i>Tấn</i>	8.500	9.076	
	<i>Kẽm thỏi gia công</i>	<i>Tấn</i>	3.300	2.974	
2	Axit Sunfuoric	Tấn	19.000	18.050	95,0
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	Tấn	3.474	3.597	103,5
4	Tinh quặng chì oxit 20%	Tấn	2.500	1.542	61,7
5	Tinh quặng bạc Tì	Tấn	370	218	58,9
6	Thiếc thỏi	Tấn	73	44	60,3
7	Tinh quặng đồng	Tấn	825	1.090	132,1
II	Sản phẩm tiêu thụ				
1	Kẽm thỏi	Tấn	11.800	11.939	101,2
2	Axit Sunfuoric	Tấn	17.124	16.679	97,4
3	Tinh quặng chì sunfua 50%	Tấn	3.474	3.524	101,4
4	Tinh quặng chì oxit 20%	Tấn	3.105	2.107	67,9
5	Tinh quặng bạc	Tấn	300	0	0,0
6	Thiếc thỏi	Tấn	73	45	61,6
7	Tinh quặng đồng	Tấn	1.225	1.574	128,5
III	Tổng doanh thu				
8	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.175.688	1.259.586	107,1
9	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	85.116	122.015	143,35

Nguồn: Công ty

- Về hoạt động sản xuất:

+ Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất một số sản phẩm như: Kẽm thỏi đạt 102%; Tinh quặng chì sunfua 50% đạt 103%; Tinh quặng đồng đạt 132% so với kế hoạch 2025.

+ Công ty chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất các sản phẩm: Axit Sunfuoric đạt 95%; Tinh quặng chì oxit 20% đạt 62%; Tinh quặng bạc đạt 59%; Thiếc thỏi đạt 60%.

- Về hoạt động tiêu thụ: Việc tiêu thụ các sản phẩm kẽm thỏi, tinh quặng chì sunfua 50%; tinh quặng đồng đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các sản phẩm còn lại

hoạt động tiêu thụ không đạt kế hoạch. Công ty chưa tiến hành tiêu thụ sản phẩm Tỉnh quặng bạc trong năm 2025.

- Về doanh thu, lợi nhuận:

+ Doanh thu năm 2025 Công ty đạt 1.259,6 tỷ đồng, tăng 83,9 tỷ đồng đạt 107% so với kế hoạch.

+ Lợi nhuận năm 2025 đạt 122,0 tỷ đồng, tăng 36,9 tỷ đồng, đạt 143% so với kế hoạch. Lợi nhuận Công ty vượt kế hoạch chủ yếu do Công ty được hưởng lợi từ giá bán sản phẩm tăng.

+ Giá thành sản xuất các sản phẩm năm 2025 tăng so với kế hoạch. Công ty cần quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động.

1.2. Thẩm định báo cáo tài chính 2025

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học (MOORE AISIC). Ban kiểm soát thẩm định và báo cáo với Đại hội Đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính 2025 (giai đoạn 01/01/2025 - 31/12/2025) của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học; Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2025, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty, không có sai sót trọng yếu về công tác hạch toán kế toán;

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của Công ty đầy đủ, trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

- Một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Thời điểm 31/12/2024	Thời điểm 31/12/2025
1	Nợ phải trả/vốn CSH	Lần	1,19	1,17
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,82	0,87
3	Lợi nhuận/Vốn CSH	%	26,11	33,16
4	Lợi nhuận/Tổng tài sản	%	11,67	15,9

Nguồn: Tính toán trên cơ sở BCTC kiểm toán 2024 và 2025

Các chỉ tiêu đánh giá tài chính năm 2025 tăng so với năm 2024, đặc biệt chỉ tiêu Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu tăng từ 26,11% lên 33,16%, Lợi nhuận/Tổng tài sản tăng từ 11,67% lên 15,9%.

Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
I	Tổng tài sản	579.653	631.869
1	Tài sản ngắn hạn	242.137	252.445
-	Phải thu ngắn hạn	8.764	16.517
-	Hàng tồn kho	97.817	62.548
2	Tài sản dài hạn	337.516	379.425
-	Chi phí trả trước dài hạn	94.202	121.340
II	Tổng nguồn vốn	579.653	631.869
1	Nợ phải trả	313.161	340.225
-	Nợ ngắn hạn	292.191	289.423
-	Nợ dài hạn	20.970	50.802
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	266.426	291.645
-	Vốn điều lệ	180.000	180.000
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	86.426	111.645
III	EPS (đồng/cổ phần)	3.146	5.357

Nguồn: Cập nhật BCTC kiểm toán 2024 và 2025

- Về công tác tài chính của đơn vị:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 96.709 triệu đồng, EPS của Công ty tăng từ 3.146 đồng/cổ phần lên 5.357 đồng/cổ phần.

Nguyên nhân chủ yếu là do giá bán các sản phẩm tăng so với kế hoạch. Cụ thể giá bán bình quân các sản phẩm năm 2025 như sau: Kẽm thời đạt 74,8/70,2 trđ/tsp bằng 106% kế hoạch; Thiếc thời đạt 945,0/746,5 trđ/tsp bằng 127% kế hoạch; Axit Sunfuaric đạt 1,9/1,5 trđ/tsp bằng 126% kế hoạch; Tinh quặng chì sunfua 50% đạt 33,6/27 trđ/tsp đạt 124% kế hoạch.

- Đánh giá công tác quản lý công nợ:

Các khoản nợ phải thu của Công ty chiếm tỷ lệ nhỏ so với doanh thu hàng năm của Công ty là yếu tố quan trọng cho sự ổn định và vững mạnh tài chính của Công ty.

Tổng nợ phải trả của công ty là 340.225 triệu đồng, chiếm 53,84% tổng nguồn vốn. Công ty không có nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn quá hạn thanh toán.

- Về thực hiện các dự án đầu tư:

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2025 đạt: 64.094 trđ (đạt 99,61% theo kế hoạch 2025 điều chỉnh tại Thông báo số 3218/VIMICO-ĐTXD ngày 18/12/2025 của VIMICO). Cơ cấu đầu tư thực hiện:

- + Xây dựng: 17.430 triệu đồng.
- + Thiết bị: 36.895 triệu đồng.
- + Quản lý, tư vấn, GPMB và khác: 9.769 triệu đồng.

Bao gồm các dự án: Dự án chuyển tiếp (04 dự án): Dự án cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Làng Hích; Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn; Đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên, ngoài ra còn 9 dự án khởi công mới và các dự án chuẩn bị đầu tư.

*** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025**

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án, công trình hoàn thiện công nghệ sản xuất luyện kim, tận thu nguồn sản phẩm mới có giá trị, cải thiện điều kiện môi trường làm việc và đời sống cho người lao động. Đồng thời, triển khai thực hiện các dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025 tại các đơn vị, trong đó tập trung quan tâm đẩy mạnh thực hiện đầu tư các thiết bị cơ giới hóa trong hầm lò.

2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc

Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong năm 2025, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

2.1. Giám sát hoạt động của HĐQT

- Trong năm qua HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hàng quý HĐQT họp theo định kỳ và họp bất thường liên quan đến chỉ đạo hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đến kiện toàn bộ máy hoạt động Công ty;

- HĐQT đã có chỉ đạo sát sao, phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Công ty hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra.

- Các hoạt động của HĐQT đã hỗ trợ và tạo điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về hoạt động của HĐQT trong các quyết sách được phân quyền.

2.2. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc họp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng/ban/đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao và báo cáo kết quả thực hiện gửi HĐQT;

- Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết, Quyết định HĐQT giao đem lại hiệu quả trong kinh doanh, đã tăng cường công tác kiểm tra quản lý;

- Công tác phát triển nguồn nhân lực vẫn tiếp tục được quan tâm đầu tư chú trọng để tạo nguồn cho các dự án trọng điểm của Công ty trong thời gian tới. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản đã ổn định. Công ty đã đưa đầu tư dây chuyền tuyển bạc xử lý khói khí lò quay tăng tỷ lệ thực thu và thêm sản phẩm cho Công ty.

- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc trong năm 2025 hoàn thành tốt một số chỉ tiêu tài chính về doanh thu và lợi nhuận như nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thông qua.

3. Những kiến nghị, đề xuất

Năm 2026, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh điều hành của Công ty. Ban kiểm soát sẽ tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, có trách nhiệm báo cáo trước đại hội. Để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

*** Về chiến lược phát triển dài hạn:**

Ban điều hành Công ty cần tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư khai thác mỏ Núi Pháo, điều hành sản xuất tại mỏ Cúc Đường có hiệu quả, nâng cao chất lượng Kẽm thời phần đầu đạt 99,99 %, vận hành ổn định dây chuyền sản xuất tinh quặng bạc để tạo tiền đề đảm bảo cho công ty phát triển bền vững. Cần đổi lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp với diễn biến giá cả thị trường. Cần nâng cao công tác dự báo trung và dài hạn để có những quyết sách phù hợp trong công tác đầu tư.

Ban điều hành cần làm tốt công tác quản lý tài nguyên, xây dựng kế hoạch khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng phải có đầy đủ cơ sở hiện trạng từng khối. Thiết kế khai thác các khối tuân thủ đúng các tiêu chuẩn trữ lượng của Bộ tài nguyên môi trường (Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT).

*** Về công tác tổ chức lao động:**

- Lao động: Đề nghị Ban điều hành xây dựng các giải pháp tiếp tục rà soát, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất để giảm lao động quản lý, lao động phục vụ. Tỷ lệ lao động quản lý năm 2026 Công ty cần thực hiện đảm bảo các cơ cấu vị trí phù hợp giữa tỷ lệ lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ và lao động công nghệ đồng thời đảm bảo các quy định về công tác an toàn trong Sản xuất theo các quy định của Pháp luật.

- Tiền lương:

+ Công ty tiếp tục xây dựng phương án chi trả tiền lương gắn với sản phẩm, khối lượng công việc và hiệu quả công việc thông qua công cụ KPI, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả của các đơn vị, như lao động hầm lò, lao động điện phân kẽm, lao động đốt lò, thợ bậc cao... nhằm thúc đẩy khả năng cống hiến, phấn đấu của cán bộ, công nhân lao động giỏi, có năng lực.

*** Về tổ chức sản xuất:**

- Phát huy tối đa công suất của dây chuyền thiết bị, duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo máy móc thiết bị luôn chạy ổn định.

- Đặc biệt quan tâm đến chất lượng sản phẩm nhằm tạo được sức cạnh tranh trên thị trường. Trong lúc giá các loại nguyên liệu đầu vào có nhiều biến động như: than, xăng dầu, điện. Công ty cần phải nắm vững các thông tin và vận dụng linh hoạt các hình thức mua bán vật tư nhưng vẫn đảm bảo đúng quy chế mua sắm và đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Làm tốt công tác đào tạo, đào tạo lại để không ngừng hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý và tay nghề cho CBCNV.

- Ngoài việc quan tâm đến vấn đề sản xuất, Công ty cần đặc biệt quan tâm chú trọng đến vấn đề ATVSLĐ, PCCC.

*** Về hoạt động sửa chữa, cải tạo:**

- Trong năm 2025, việc thực hiện hoạt động sửa chữa, cải tạo của Công ty còn tồn tại:

+ Việc lập kế hoạch sửa chữa chưa sát với nhu cầu thực tế, trong quá trình triển khai hoạt động nhiều hạng mục mới phát sinh, giá trị lớn không có trong kế hoạch.

+ Năm 2025, giá trị sửa chữa thường xuyên lớn, phát sinh nhiều so với kế hoạch đề ra.

- Để khắc phục việc trên, Ban kiểm soát kiến nghị:

+ Trong năm 2026, khi lập kế hoạch Công ty cần rà soát kỹ các hạng mục sửa chữa, cải tạo; đánh giá đúng bản chất để xếp loại vào sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên hay nâng cấp tăng giá trị tài sản cố định.

+ Công ty cần xây dựng quy định về các hạng mục nào là sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên, nâng cấp tài sản cố định trình Hội đồng quản trị phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

+ Công ty cần kiểm soát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sửa chữa, cải tạo để tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động. Cần nâng cao tinh thần chống lãng phí trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.

+ Công tác sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ bản cần xem xét hạng mục cần thiết, trên cơ sở định hướng tiết kiệm đảm bảo mục tiêu phát triển và bền vững.

+ Các hạng mục sửa ngoài kế hoạch đã được giao cần có phương án và báo cáo HĐQT phê duyệt.

*** Về công tác quản lý khác**

Các quy trình, quy chế, quy định của Công ty cần được chỉnh sửa, bổ sung lại theo Điều lệ mới sửa đổi. Cập nhật bổ sung các quy định mới của Luật Chứng khoán, Luật đầu tư và các quy định khác của pháp luật đã thay đổi.

Công tác xây dựng kế hoạch của các đơn vị trong Công ty cần sát thực tế hơn nữa, trên tinh thần chống lãng phí để xây dựng Công ty bền vững.



III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Thực hiện theo đúng chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2026.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2026.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT theo dõi, phát biểu ý kiến đóng góp cho các cuộc họp.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động 2026 kính trình Đại hội đồng cổ đông. Xin chúc các Quý cổ đông, Quý vị đại biểu, Nhà đầu tư, sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn!

**T/M Ban Kiểm soát
Trưởng Ban**



Nguyễn Đình Chiến

Số: 1267 /TTr-BKS

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (TMC) kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của (TMC) như sau:

1. Các tiêu chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chuẩn lựa chọn trên, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 như sau:

- + Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
- + Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- + Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISIC.

3. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán

- Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán như trên;
- Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, BKS.

T/M Ban Kiểm soát
Trưởng Ban



Nguyễn Đình Chiến

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 1409 /TTr - TMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico được sửa đổi bổ sung lần thứ năm ban hành theo Quyết định số 3666/QĐ-TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISIC ngày 05/05/2026 thay thế Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty số A6250995TT/MOORE AISHN-TC kiểm toán ngày 10/3/2026;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã kiểm toán ngày 05/5/2026, gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán được Công ty đăng tại địa chỉ website <http://kimloaimau.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như đề gửi;
- Lưu: VP, P. TCKT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*



Lý Xuân Tuyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

HA
1990.01.01

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên theo Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600100003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 09 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Khai thác và chế biến quặng kẽm chì.

Tên tiếng anh: VIMICO - THAI NGUYEN NON - FERROUS METAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CÔNG TY KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Mã chứng khoán: TMG (UpCom)

Trụ sở chính: Số 89, Phú Xá 3, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch
Ông	Trần Văn Long	Thành viên
Ông	Phạm Thế Vinh	Thành viên
Ông	Trần Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Phạm Vũ Hải	Thành viên

0051
CH
CỘNG
HÒA
KIẾ
A DỊC
M
BÁ T

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Đình Chiến	Trưởng ban
Ông	Lê Văn Lưỡng	Thành viên
Bà	Ngô Thị Nhâm	Thành viên
Bà	Đào Thị Khuê	Thành viên
Bà	Vũ Thị Thanh Hào	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Trần Văn Long	Giám đốc
Ông	Bùi Huy Tuấn	Phó Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Hậu	Phó Giám đốc
Ông	Tạ Văn Bình	Phó Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Xuân Hương	Kế toán trưởng

(bổ nhiệm ngày 20/08/2025)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Văn Long	Giám đốc
-----	---------------	----------

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC ("MOORE AISIC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc, *ls*



Trần Văn Long

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026

002.
NH
TNH
ẤN
TIN H
AISC
- TP



MOORE AISC

Số: A625095TT/MOOREAISHN-TC

MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ban Co Ward
Ho Chi Minh City,
Viet Nam

T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico được lập ngày 05 tháng 5 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2026, Công ty đã thực hiện thay đổi ước tính kế toán về phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên, phân bổ một số công cụ dụng cụ xuất dùng trong tháng 12 năm 2025 cũng như thay đổi Quỹ lương trong năm 2025 làm cho Lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng lên 11.452.714.506 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2025 do thay đổi các ước tính kế toán, thay đổi Quỹ lương ban hành trong năm 2026 là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế Báo cáo kiểm toán số A625095/MOOREAISHN-TC ngày 10/03/2026 do Công ty thay đổi Quỹ lương 2025, thay đổi ước tính kế toán về phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ xuất dùng theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 20/04/2026, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC phát hành thay thế theo Công văn số 1348/TCKT-TMC ngày 29/04/2026 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 05 năm 2025 (phát hành thay thế Báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 03 năm 2025 do Công ty thay đổi Quỹ lương 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025).

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHNKT: 4981-2024-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHNKT: 5298-2026-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.443.630.037	242.070.894.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	134.452.678.172	94.613.369.527
1. Tiền	111		43.408.694.516	54.613.369.527
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.043.983.656	40.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.517.215.729	8.764.130.980
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.185.677.521	5.232.017.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.209.271.671	1.222.124.699
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.122.266.537	2.912.028.762
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(602.040.000)
III. Hàng tồn kho	140	V.06	62.413.219.493	97.751.436.178
1. Hàng tồn kho	141		63.888.139.770	99.226.356.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.474.920.277)	(1.474.920.277)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.060.516.643	40.941.957.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	39.060.516.643	39.713.475.399
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	341.160.566
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	887.321.971
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.426.299.105	337.516.213.801
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.742.011.920	9.799.661.843
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	10.742.011.920	9.799.661.843
II. Tài sản cố định	220		231.955.157.978	187.487.868.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	231.955.157.978	187.487.868.557
- Nguyên giá	222		1.073.209.021.900	993.375.752.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(841.253.863.922)	(805.887.884.025)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		629.245.319	629.245.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(629.245.319)	(629.245.319)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	15.388.067.437	46.027.069.653
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.388.067.437	46.027.069.653
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.020.246.000	1.020.246.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.020.246.000)	(1.020.246.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		121.341.061.770	94.201.613.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	121.341.061.770	94.201.613.748
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		631.869.929.142	579.587.108.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

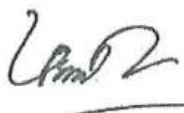
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		340.225.212.747	313.161.377.444
I. Nợ ngắn hạn	310		289.423.315.782	292.191.262.117
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	128.331.318.458	154.696.658.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.729.670.298	1.430.576.109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	36.834.509.288	18.546.890.218
4. Phải trả người lao động	314		47.753.150.647	46.098.252.565
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.702.085.968	6.940.525.336
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	28.431.554.073	51.991.210.564
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	40.701.002.079	12.060.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		940.024.971	427.148.625
II. Nợ dài hạn	330		50.801.896.965	20.970.115.327
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	42.710.654.300	13.570.800.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	8.091.242.665	7.399.315.327
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.644.716.395	266.425.730.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	291.644.716.395	266.425.730.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.644.716.395	86.425.730.978
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.222.727.572	15.367.155.344
LNST chưa phân phối năm nay	421b		96.421.988.823	71.058.575.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		631.869.929.142	579.587.108.422


Phạm Thị Thùy Dương
 Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026


Nguyễn Thị Xuân Hương
 Kế toán trưởng





Trần Văn Long
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.255.453.042.920	1.158.378.432.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.255.453.042.920	1.158.378.432.592
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.068.420.319.577	1.001.907.226.171
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.032.723.343	156.471.206.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.830.140.876	515.794.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.325.851.498	2.579.871.466
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.173.918.835	2.299.179.356
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.880.510.332	2.497.176.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	60.666.975.069	61.808.599.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.989.527.320	90.101.353.485
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.293.813.858	5.008.933.273
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.267.538.323	5.629.411.203
13. Lợi nhuận khác	40		(973.724.465)	(620.477.930)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122.015.802.855	89.480.875.555
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	25.306.272.974	18.186.158.171
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96.709.529.881	71.294.717.384
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.357	3.146


Phạm Thị Thùy Dương
Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026


Nguyễn Thị Xuân Hương
Kế toán trưởng


Trần Văn Long
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		122.015.802.855	89.480.875.555
2. Điều chỉnh cho các khoản			41.694.295.369	41.415.059.733
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		42.077.930.872	38.369.108.470
- Các khoản dự phòng	03		89.887.338	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		102.353.665	230.977.279
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.749.795.341)	515.794.628
- Chi phí lãi vay	06		1.173.918.835	2.299.179.356
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.710.098.224	130.895.935.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.636.043.276)	33.820.797.938
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.338.216.685	(9.908.709.215)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.637.628.370)	38.297.830.256
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(26.486.489.266)	(31.193.017.997)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.115.287.556)	(2.299.179.356)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.073.739.402)	(8.385.558.918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		883.998.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.914.890.285)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.068.234.754	151.228.097.996
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(56.236.986.351)	(40.333.339.777)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.601.271.863	515.794.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.635.714.488)	(39.817.545.149)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		99.636.382.994	131.041.402.421
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.855.526.615)	(132.807.326.862)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(82.374.068.000)	(23.330.757.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(24.593.211.621)</i>	<i>(25.096.681.441)</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	 50		 39.839.308.645	 86.313.871.406
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	 60		 94.613.369.527	 8.299.498.121
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	134.452.678.172	94.613.369.527



Phạm Thị Thùy Dương
Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026



Nguyễn Thị Xuân Hường
Kế toán trưởng



Trần Văn Long
Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên theo Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600100003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 09 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: VIMICO - THAI NGUYEN NON - FERROUS METAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CÔNG TY KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Mã chứng khoán: TMG (UpCom)

Trụ sở chính: Số 89, Phú Xá 3, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng quý hiếm; sản xuất kim loại màu và kim loại quý; khai thác quặng sắt;
- Khai thác kim loại không chứa sắt; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất hóa chất cơ bản; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đúc kim loại màu; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; sản xuất các loại cấu kiện kim loại; gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa bằng kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến 31/12/2025: 1.333 nhân viên. (01/01/2025 :1.275 nhân viên)**6. Cấu trúc doanh nghiệp****6.1. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có một (01) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Liên doanh Công nghiệp Kẽm Việt Thái (*)	Tỉnh Bắc Kạn	Khai thác và luyện kẽm	40%	40%	40%

(*) Hiện Công ty đã dừng hoạt động và đang yêu cầu mở thủ tục phá sản

6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên Chi nhánh, Xí nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động chính
Xí nghiệp Kẽm Chì làng Hích	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Khai thác và chế biến quặng
Xí nghiệp Thiếc Đại Từ (*)	Đại Từ, Thái Nguyên	Khai thác và chế biến quặng
Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	Chợ Đồn, Bắc Kạn	Khai thác và chế biến quặng

(*) Xí nghiệp thiếc Đại Từ chính thức sáp nhập với Xí nghiệp Kẽm Chì làng Hích từ ngày 01/10/2025 theo Quyết định số 3680/QĐ-TMC và Quyết định số 3684/QĐ-TMC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

03005
Ct
Còn
KII
A DIC
MO
SA TA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền tháng.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 37 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý	5 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí sửa chữa TSCĐ; chi phí thăm dò địa chất, chi phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí công cụ dụng cụ, ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí cấp quyền khai thác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được cấp quyền.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% theo quy định hiện hành. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản:

- Tài sản hình thành từ nguồn Quỹ tập trung: Dự phòng phải trả hiện đang theo dõi giá trị còn lại của tài sản hình thành từ nguồn Quỹ tập trung của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam theo hướng dẫn tại Văn bản số 6764/TKV-KTTC ngày 25/12/2018 của Tập đoàn.

- Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường: Căn cứ vào Dự toán chi phí hoàn nguyên môi trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và lãi tỷ giá hối đoái;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn, Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

20. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	43.408.694.516	54.613.369.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	101.398.553	362.184.855
	43.307.295.963	54.251.184.672
Các khoản tương đương tiền	91.043.983.656	40.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	91.043.983.656	40.000.000.000
	134.452.678.172	94.613.369.527

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên với lãi suất từ 3,4%-3,5%/năm, có kỳ hạn 1 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	1.020.246.000		(1.020.246.000)	1.020.246.000		(1.020.246.000)
- Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái	1.020.246.000		(1.020.246.000)	1.020.246.000		(1.020.246.000)
	1.020.246.000	-	(1.020.246.000)	1.020.246.000	-	(1.020.246.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- *Tình hình hoạt động của công ty liên doanh liên kết trong năm*

Công ty hiện đã dừng hoạt động và đang yêu cầu mở thủ tục phá sản

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương	5.203.494.819	-	3.564.121.558	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tổng hợp An Bình	4.639.567.900	-	-	-
- Công ty TNHH Thực Nghiệp Trung Nhất Bảo Thắng VN	161.934.554	-	1.430.461.182	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	180.680.248	-	237.434.779	-
	10.185.677.521	-	5.232.017.519	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần thiết bị máy Bảo Tiến	2.280.690.691	-	-	-
- Công ty TNHH xây dựng Tân Long	390.120.980	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường Sơn	-	-	602.040.000	(602.040.000)
- Các khoản trả trước người bán khác	538.460.000	-	620.084.699	-
	3.209.271.671	-	1.222.124.699	(602.040.000)

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội	721.200.533	-	753.592.973	-
- Lãi dự thu	22.778.616	-	-	-
- Tạm ứng	-	-	331.400.000	-
- Tiền lãi ký quỹ môi trường	1.444.355.169	-	1.238.264.772	-
- Phải thu khác	933.932.219	-	588.771.017	-
	3.122.266.537	-	2.912.028.762	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	10.742.011.920	-	9.799.661.843	-
	10.742.011.920	-	9.799.661.843	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.516.760.692	-	9.703.918.935	-
- Công cụ, dụng cụ	581.990.489	-	455.355.296	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.286.721.766	(1.474.920.277)	45.737.777.561	(1.474.920.277)
- Thành phẩm	13.502.666.823	-	43.329.304.663	-
	63.888.139.770	(1.474.920.277)	99.226.356.455	(1.474.920.277)

7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Dự án Cải tạo Nhà máy kẽm Điện phân Thái Nguyên	-	-	29.728.742.268	-
- Dự án Mở rộng và nâng công suất mỏ Kẽm chì làng Hích	8.019.235.911	-	5.767.292.617	-
- Dự án Đầu tư Xây dựng nhà tập thể Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	-	-	5.581.641.086	-
- Đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 XT Chợ Điện	2.947.323.481	-	837.280.768	-
- Đầu tư bổ sung bãi chứa đuôi thải khu vực kho Mộc Hích	2.455.475.000	-	-	-
- Dự án Đầu tư mở rộng bãi chứa quặng đuôi xưởng tuyển Lang Hít	625.290.000	-	625.290.000	-
- Dự án khác	1.340.743.045	-	3.486.822.914	-
	15.388.067.437	-	46.027.069.653	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8 . Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	571.309.119.083	348.873.275.182	68.734.956.232	4.458.402.085	993.375.752.582
- Mua trong năm	-	14.736.311.614	3.556.858.545	-	18.293.170.159
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.089.120.487	36.491.276.578	2.421.343	-	68.582.818.408
- Xóa sổ tài sản hỏng (i)	(7.042.719.249)	-	-	-	(7.042.719.249)
Số dư cuối năm	596.355.520.321	400.100.863.374	72.294.236.120	4.458.402.085	1.073.209.021.900
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	493.931.481.323	262.364.172.235	45.560.686.187	4.031.544.280	805.887.884.025
- Khấu hao trong năm	16.120.298.109	20.846.769.423	4.935.748.252	175.115.088	42.077.930.872
- Hao mòn	250.422.739	-	-	-	250.422.739
- Xóa sổ tài sản hỏng	(6.962.373.714)	-	-	-	(6.962.373.714)
Số dư cuối năm	503.339.828.457	283.210.941.658	50.496.434.439	4.206.659.368	841.253.863.922
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	77.377.637.760	86.509.102.947	23.174.270.045	426.857.805	187.487.868.557
Tại ngày cuối năm	93.015.691.864	116.889.921.716	21.797.801.681	251.742.717	231.955.157.978

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

14.242.200.452

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

615.157.088.226

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	629.245.319	629.245.319
Số dư cuối năm	629.245.319	629.245.319
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	629.245.319	629.245.319
Số dư cuối năm	629.245.319	629.245.319
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 629.245.319 đồng		

10. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	21.474.919.694	20.814.217.750
- Chi phí bảo hiểm	62.010.750	77.383.744
- Các khoản khác	17.523.586.199	18.821.873.905
	39.060.516.643	39.713.475.399
b) Dài hạn		
- Phí sử dụng tài liệu địa chất	18.941.581.236	21.636.055.377
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	14.945.584.296	18.454.948.526
- Chi phí khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc	13.298.974.460	12.849.876.760
- Chi phí thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Chợ Đồn	17.864.343.699	11.111.588.418
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	8.606.557.971	1.419.369.341
- Các khoản khác	47.684.020.108	28.729.775.326
	121.341.061.770	94.201.613.748

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
27.692.002.079	27.692.002.079	58.727.528.694	31.035.526.615	-	-
-	-	31.035.526.615	31.035.526.615	-	-
27.692.002.079	27.692.002.079	27.692.002.079	-	-	-
13.009.000.000	13.009.000.000	11.769.000.000	10.820.000.000	12.060.000.000	12.060.000.000
8.135.000.000	8.135.000.000	6.895.000.000	10.820.000.000	12.060.000.000	12.060.000.000
4.874.000.000	4.874.000.000	4.874.000.000	-	-	-
40.701.002.079	40.701.002.079	70.496.528.694	41.855.526.615	12.060.000.000	12.060.000.000
42.710.654.300	42.710.654.300	40.908.854.300	11.769.000.000	13.570.800.000	13.570.800.000
13.550.800.000	13.550.800.000	6.875.000.000	6.895.000.000	13.570.800.000	13.570.800.000
29.159.854.300	29.159.854.300	34.033.854.300	4.874.000.000	-	-
42.710.654.300	42.710.654.300	40.908.854.300	11.769.000.000	13.570.800.000	13.570.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên:

1. Hợp đồng tín dụng số 02/2023/469085/HĐTD ngày 10/3/2024 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico và BIDV Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng: 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay hoàn vốn đầu tư Dự án "Hệ thống tháp chuyển hóa HM A10 - Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên". Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh 06 tháng/lần. Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án "Hệ thống tháp chuyển hóa HM A10 - Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên" và Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các Hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng đảm bảo). Số dư tại ngày 31/12/2025 là 325.000.000 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 03/2023/469085/HĐTD ngày 21/8/2023 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico và BIDV Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng: 11.450.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay dự án đầu tư duy trì sản xuất năm 2024 tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn và Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích của Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh 06 tháng/lần. Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án đầu tư duy trì sản xuất năm 2024 tại Chi nhánh KLM Bắc Kạn và Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích của Công ty Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico và Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các Hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng đảm bảo). Số dư tại ngày 31/12/2025 là 2.850.000.000 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 02/2024/469085/HĐTD ngày 26/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico và BIDV Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng: 24.800.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ tài trợ chi phí mua sắm máy móc thiết bị và chi phí khác liên quan thuộc dự án cải tạo môi trường nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh 06 tháng/lần. Hình thức đảm bảo tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các Hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng đảm bảo). Số dư tại ngày 31/12/2025 là 18.510.800.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(**) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên (VietinBank Thái Nguyên):

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2025-HĐCVDADT/NHCT220-VIMICO ngày 17/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và VietinBank Thái Nguyên.

Hạn mức tín dụng: 6.590.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay thanh toán các chi phí thuộc Dự án đầu tư tuyển bậc trong bồn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên, bù đắp chi phí đã thanh toán.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án và các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Số dư tại ngày 31/12/2025: 5.566.854.300 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 02/2025-HĐCVDADT/NHCT220-VIMICO ngày 19/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và VietinBank Thái Nguyên.

Hạn mức tín dụng: 10.453.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư duy trì hoạt động/sản xuất tại Cơ quan Công ty, phân xưởng trực thuộc và xí nghiệp; thiết bị tại Xí nghiệp Kẽm Chi Làng Hích – Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn năm 2025.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án và các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Số dư tại ngày 31/12/2025: 10.453.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Hợp đồng tín dụng số 03/2025-HĐCVDADT/NHCT220-VIMICO ngày 31/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và VietinBank Thái Nguyên.

Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án và các hợp đồng cầm cố/thể chấp/bảo lãnh/ký quỹ theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Số dư tại ngày 31/12/2025: 9.614.000.000 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số 04/2025-HĐCVDADT/NHCT220-VIMICO ngày 31/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và VietinBank Thái Nguyên.

Hạn mức tín dụng: 14.450.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng kẽm, chỉ Chợ Diên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án và các hợp đồng cầm cố/thể chấp/bảo lãnh/ký quỹ theo các hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Số dư tại ngày 31/12/2025: 8.400.000.000 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng số 01/2025-HĐCVHM/NHCT220-VIMICO ngày 17/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và VietinBank Thái Nguyên.

Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của Công ty.

Thời hạn vay: 03 tháng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Số dư tại ngày 31/12/2025: 27.692.002.079 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Triệu Phát	11.900.621.775	11.900.621.775	3.888.915.460	3.888.915.460
- Công ty TNHH kim loại màu Trường Thành	6.789.117.206	6.789.117.206	6.293.690.548	6.293.690.548
- Công ty CP Thương mại và vận tải Toàn Cầu	6.268.294.987	6.268.294.987	4.724.990.397	4.724.990.397
- Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV	5.675.410.513	5.675.410.513	7.116.048.726	7.116.048.726
- Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Nam	-	-	11.693.530.746	11.693.530.746
- Phải trả các đối tượng khác	97.697.873.977	97.697.873.977	120.979.482.823	120.979.482.823
	128.331.318.458	128.331.318.458	154.696.658.700	154.696.658.700
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	446.850.000	446.850.000	151.600.000	151.600.000
- TCT Khoáng sản - TKV - Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico	-	-	328.000.000	328.000.000
- Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	110.000.000	110.000.000	250.000.000	250.000.000
- Công ty CP Địa chất Việt Bắc	5.675.410.513	5.675.410.513	7.116.048.726	7.116.048.726
- Viện khoa học Công nghệ mỏ	693.524.579	693.524.579	731.849.271	731.849.271
- Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	-	-	292.874.400	292.874.400
- Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê	2.249.398.829	2.249.398.829	-	-
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty hóa chất mỏ - Vinacomin	364.665.836	364.665.836	-	-
- Công ty Cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin	866.700.000	866.700.000	543.132.000	543.132.000
	10.406.549.757	10.406.549.757	9.413.504.397	9.413.504.397

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Người mua trả tiền trước

a) Ngắn hạn

- CN Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoàng Nam
- Công ty CP Khoáng sản Bắc kạn
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Máy và Phụ Tùng
- Công ty TNHH SAMHO
- Các khoản người mua trả tiền trước khác

	31/12/2025	01/01/2025
	2.828.155.851	107.497.996
	1.181.471.168	136.135.051
	146.383.101	196.754.305
	-	351.969.388
	573.660.178	638.219.369
	4.729.670.298	1.430.576.109

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

- Tổng Công ty Hóa chất mỏ - Vinacomin

	-	150.000.000
	-	150.000.000

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.124.580.286	59.954.633.615	56.440.605.074	-	4.638.608.827
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.800.599.253	25.306.272.974	10.073.739.402	-	25.033.132.825
- Thuế thu nhập cá nhân	-	501.987.313	2.123.144.072	1.731.471.930	-	893.659.455
- Thuế tài nguyên	887.320.971	5.593.282.830	48.646.894.247	48.080.295.311	-	5.272.560.795
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.544.563.819	2.541.351.359	-	3.212.460
- Các loại thuế khác	-	-	62.370.278	62.370.278	-	-
- Phí bảo vệ môi trường, phí cấp quyền khai thác và các khoản phải nộp khác	1.000	1.526.440.536	50.422.534.885	50.955.640.495	-	993.334.926
	887.321.971	18.546.890.218	189.060.413.890	169.885.473.849	-	36.834.509.288

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Chi phí phải trả tiền điện	1.079.888.460	1.067.773.366
- Trích trước chi phí cấp quyền mố Chợ Đồn	-	4.921.173.000
- Chi phí lãi vay	71.636.895	13.005.616
- Chi phí phải trả khác	550.560.613	938.573.354
	1.702.085.968	6.940.525.336

16. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Kinh phí công đoàn	3.155.297	685.369
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.653.491.051	20.890.847.234
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	92.845.500	24.866.913.500
- Thù lao HĐQT, BKS	216.000.000	331.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.466.062.225	5.901.564.461
	28.431.554.073	51.991.210.564

17. Dự phòng phải trả

Dài hạn

- Dự phòng phí hoàn nguyên môi trường	8.091.242.665	7.208.760.878
- Tài sản hình thành từ Quỹ tập trung	-	190.554.449
	8.091.242.665	7.399.315.327

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	180.000.000.000	69.844.145.322	249.844.145.322
Lãi trong năm trước	-	71.294.717.384	71.294.717.384
Phân phối lợi nhuận	-	(53.644.881.728)	(53.644.881.728)
Tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	(1.068.250.000)	(1.068.250.000)
Số dư cuối năm	180.000.000.000	86.425.730.978	266.425.730.978
Số dư đầu năm	180.000.000.000	86.425.730.978	266.425.730.978
Lãi trong năm nay	-	96.709.529.881	96.709.529.881
Phân phối lợi nhuận	-	(71.203.003.406)	(71.203.003.406)
Tạm trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ năm 2025	-	(287.541.058)	(287.541.058)
Số dư cuối năm nay	180.000.000.000	111.644.716.395	291.644.716.395

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		71.058.575.634
Trích Quỹ Khen thưởng (*)		7.104.810.000
Trích Quỹ Phúc lợi		6.700.122.400
Trích Quỹ thưởng Viên chức quản lý		866.321.006
Chi trả cổ tức	32%	57.600.000.000
(*) Đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ năm 2024 số tiền 1.068.250.000 đồng		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	91.800.000.000	51,0%	91.800.000.000	51,0%
Cổ đông khác	88.200.000.000	49,0%	88.200.000.000	49,0%
	180.000.000.000	100%	180.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	180.000.000.000	180.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	180.000.000.000	180.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	24.866.913.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	57.600.000.000	48.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	57.600.000.000	48.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	82.374.068.000	23.733.086.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	82.374.068.000	23.733.086.500
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	92.845.500	24.866.913.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Tân Lập, Phường Phú Xá, Phường Tân Thành, Phường Bách Quang, ... thuộc tỉnh Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm việc, sinh hoạt, khai thác mỏ và sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 1.485.889,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng	1.164.442.528.720	1.077.877.577.442
Doanh thu dịch vụ giá công	86.963.250.500	76.736.973.650
Doanh thu khác	4.047.263.700	3.763.881.500
	1.255.453.042.920	1.158.378.432.592

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	990.247.344.124	929.635.285.475
Giá vốn của dịch vụ gia công	78.016.771.074	72.046.589.400
Giá vốn khác	156.204.379	225.351.296
	<u>1.068.420.319.577</u>	<u>1.001.907.226.171</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.830.140.876	424.965.044
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	90.829.584
	<u>1.830.140.876</u>	<u>515.794.628</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	1.173.918.835	2.299.179.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	102.353.665	230.977.279
Chi phí bảo lãnh thanh toán	49.578.998	49.714.831
	<u>1.325.851.498</u>	<u>2.579.871.466</u>

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	2.597.983.953	2.444.746.941
Chi phí khác bằng tiền	1.282.526.379	52.429.380
	<u>3.880.510.332</u>	<u>2.497.176.321</u>

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.490.604.142	2.845.066.133
Chi phí nhân công	21.781.866.384	19.819.161.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.826.287.196	3.238.322.985
Thuế, phí, và lệ phí	1.451.121.451	262.461.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.138.934.697	1.544.755.860
Chi phí khác bằng tiền	30.978.161.199	34.098.831.582
	<u>60.666.975.069</u>	<u>61.808.599.777</u>

6. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Cho thuê mặt bằng, điện nước	472.778.874	513.098.935
Xử lý sau kiểm kê	-	4.271.603.195
Thu nhập khác	1.821.034.984	224.231.143
	<u>2.293.813.858</u>	<u>5.008.933.273</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí khảo sát và thăm dò mỏ Phục Linh	-	3.083.757.000
Lỗ thanh lý, xóa sổ tài sản	80.345.535	-
Các khoản bị phạt	1.863.686.192	130.654.113
Chi phí khác	1.323.506.596	2.415.000.090
	3.267.538.323	5.629.411.203

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	122.015.802.855	89.480.875.555
Các khoản điều chỉnh tăng	4.515.562.017	1.449.915.302
- Chi phí không hợp lệ	3.968.362.017	993.915.302
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	547.200.000	456.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	126.531.364.872	90.930.790.857
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	25.306.272.974	18.186.158.171

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế	96.709.529.881	71.294.717.384
Các khoản điều chỉnh:	287.541.058	14.671.253.406
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	287.541.058	14.671.253.406
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	96.421.988.823	56.623.463.978
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.000.000	18.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.357	3.146

Công ty đã tạm trích Quỹ Khen thưởng từ Lợi nhuận năm 2025, số tiền trích là 287.541.058 đồng

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	630.782.034.943	627.755.295.228
Chi phí nhân công	257.324.948.898	234.211.363.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.077.930.872	38.369.108.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.323.579.050	87.112.174.833
Chi phí khác bằng tiền	155.225.212.069	165.954.029.942
	1.164.733.705.832	1.153.401.972.416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	40.701.002.079	42.710.654.300	-	83.411.656.379
Phải trả người bán, phải trả khác	156.762.872.531	-	-	156.762.872.531
Chi phí phải trả	1.702.085.968	-	-	1.702.085.968
	199.165.960.578	42.710.654.300	-	241.876.614.878
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	12.060.000.000	13.570.800.000	-	25.630.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	206.687.869.264	-	-	206.687.869.264
Chi phí phải trả	6.940.525.336	-	-	6.940.525.336
	225.688.394.600	13.570.800.000	-	239.259.194.600

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 11- Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2025 và 01/01/2025. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		01/01/2025		31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	10.185.677.521	-	5.232.017.519	-	10.185.677.521	5.232.017.519
- Phải thu khác	13.841.499.841	-	12.380.290.605	-	13.841.499.841	12.380.290.605
- Tiền và các khoản tương đương tiền	134.452.678.172	-	94.613.369.527	-	134.452.678.172	94.613.369.527
TỔNG CỘNG	158.479.855.534	-	112.225.677.651	-	158.479.855.534	112.225.677.651
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	83.411.656.379	-	25.630.800.000	-	83.411.656.379	25.630.800.000
- Phải trả người bán	128.331.318.458	-	154.696.658.700	-	128.331.318.458	154.696.658.700
- Phải trả khác	28.431.554.073	-	51.991.210.564	-	28.431.554.073	51.991.210.564
- Nợ phải trả tài chính khác	1.702.085.968	-	6.940.525.336	-	1.702.085.968	6.940.525.336
TỔNG CỘNG	241.876.614.878	-	239.259.194.600	-	241.876.614.878	239.259.194.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khoáng sản TKV- CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang	Cùng Công ty
Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Cùng Công ty
Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico	Cùng Công ty
Trung tâm điều trị bệnh nghề và Phục hồi chức năng - Vimico	Cùng Công ty
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Du lịch và thương mại - Vinacomin	Cùng Tập đoàn
Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV - Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico	Cùng Tập đoàn
Hội đồng quản trị	Thành viên có ảnh hưởng đáng kể
Ban Giám đốc	Thành viên có ảnh hưởng đáng kể

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh V4, V13, V14 trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		147.936.636	1.450.657.837
Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Cùng Công ty mẹ	147.936.636	287.804.667
Chi nhánh Luyện đồng Lào cai	Cùng Công ty mẹ	-	1.162.853.170
Mua hàng		27.074.283.167	20.277.299.032
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV - Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico	Cùng Tập đoàn	297.000.000	493.000.000
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Công ty mẹ	2.316.881.280	1.671.485.400
Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico	Cùng Tập đoàn	4.663.280.000	-
Trung tâm điều trị bệnh nghề và Phục hồi chức năng - VIMICO	Cùng Công ty mẹ	1.547.940.000	645.380.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	2.101.302.222	3.772.221.000
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	8.556.228.055	13.695.212.632
Chi nhánh TCT Hóa chất mỏ-Vinacomin, CN Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Kạn	Cùng Tập đoàn	2.251.854.876	-
Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc	Cùng Tập đoàn	5.255.009.734	-
Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	84.787.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập của Ban Giám đốc		3.173.614.852	2.274.760.305
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		1.296.000.000	1.502.850.136

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và người quản lý khác:

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
- Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT	149.760.000	199.250.004
- Trần Văn Long	Thành viên HĐQT	132.480.000	76.800.000
- Phạm Thế Vinh	Thành viên HĐQT	132.480.000	189.050.000
- Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	132.480.000	163.850.000
- Phạm Vũ Hải	Thành viên HĐQT	132.480.000	161.450.004
		679.680.000	790.400.008
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Đình Chiến	Trưởng ban kiểm soát	132.480.000	164.450.112
- Lê Văn Lưỡng	Thành viên ban kiểm soát	120.960.000	137.000.004
- Ngô Thị Nhâm	Thành viên ban kiểm soát	120.960.000	137.000.004
- Đào Thị Khuê	Thành viên ban kiểm soát	120.960.000	137.000.004
- Vũ Thị Thanh Hảo	Thành viên ban kiểm soát	120.960.000	137.000.004
		616.320.000	712.450.128
Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và người quản lý khác			
- Trần Văn Long	Giám đốc	969.410.634	725.586.640
- Bùi Huy Tuấn	Phó Giám đốc	692.391.521	550.605.633
- Nguyễn Văn Hậu	Phó Giám đốc	724.293.761	556.692.208
- Tạ Văn Bình	Phó Giám đốc	246.609.519	-
- Nguyễn Thị Xuân Hương	Kế toán trưởng	540.909.417	180.038.580
- Lại Trí Cường	Kế toán trưởng	-	261.837.244
		3.173.614.852	2.274.760.305

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tương ứng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VietNam kiểm toán.

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Phạm Thị Thùy Dương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Xuân Hương
Kế toán trưởng



Trần Văn Long
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2026

Số: 1269/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 20/4/2026 của HĐQT Công ty về việc thông qua kết quả SXKD năm 2025;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2025
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	122 015 802 855
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	25 306 272 974
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	96 709 529 881
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	15 222 727 572
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	111 932 257 453
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (%)	Đồng	50
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay bằng tiền mặt	Đồng	90 000 000 000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=8.1+8.2+8.3)	Đồng	17 633 799 434
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	953 799 434
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	16 680 000 000
	- Quỹ khen thưởng	Đồng	9 081 000 000
	- Quỹ phúc lợi	Đồng	7 599 000 000
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	4 298 458 019

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận: LA

- Như đề gửi;

- Lưu: VP, Thư ký, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyền

Số: 1270 /TTr - TMC

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Công ty báo cáo Đại hội như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty về mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS. Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2025, lợi nhuận tăng so với kế hoạch và quy định tại Điều 5, Nghị định 248/NĐ-CP, ngày 19/5/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn Nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước quy định: *Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản, nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với KH được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản.*

Công ty đề nghị thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Mức lương CB để XD (Trđ/th)	Mức lương XD thù lao TH 2025	SL	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Thực hiện năm 2025
1	Chủ tịch HĐQT	52,00	62,40	1	20%	12.480.000	12	149.760.000
2	Thành viên HĐQT	46,00	55,20	4	20%	11.040.000	12	529.920.000
3	Trưởng BKS	46,00	55,20	1	20%	11.040.000	12	132.480.000
4	Thành viên BKS	42,00	50,40	4	20%	10.080.000	12	483.840.000
	Cộng							1.296.000.000

Năm 2025, Công ty đã thực hiện cho trả thù lao cho HĐQT, BKS với tổng số tiền 1,080 tỷ đồng theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Căn cứ vào kết quả ĐHĐCĐ thường niên 2026,

Công ty thực hiện quyết toán chi trả đối với thành viên HĐQT, BKS với số tiền 216 triệu đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ Nghị định 248/NĐ-CP, ngày 19/5/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn Nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp Nhà nước và Kế hoạch SXKD năm 2026 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2026. Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS như sau:

TT	Chức danh	Mức lương CB theo ND-248 (Trđ/th)	Mức lương CB đề XD (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/th	Số tháng	KH chi trả năm 2026
1	Chủ tịch HĐQT	37,0	74,0	1	20%	14.800.000	12	177.600.000
2	Thành viên HĐQT	31,0	62,0	4	20%	12.400.000	12	595.200.000
3	Trưởng BKS	31,0	62,0	1	20%	12.400.000	12	148.800.000
4	Ủy viên BKS	30,0	60,0	4	20%	12.000.000	12	576.000.000
	Cộng			10				1.497.600.000

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, Thư ký, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Số: 1271 /TTr - TMC

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi bổ sung lần thứ 6
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Để bảo đảm tính phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành trong công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị ĐHĐCĐ xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Điều lệ Công ty (ban hành tại QĐ số 3666/QĐ-TMC ngày 01/10/2025) cụ thể như sau:

1. Sửa đổi địa chỉ trụ sở đăng ký của Công ty.
2. Bãi bỏ khoản 8 điều 24 và khoản 8 điều 32 của Điều lệ Công ty (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).
3. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC CÔNG TY NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 1274 /TTr - TMC ngày 23 / 4 /2026)

TT	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do SĐBS
1	Khoản 5, Điều 2	Trụ sở đăng ký của Công ty: Tổ dân phố Phú Xá 3, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Trụ sở đăng ký của Công ty: Số 89, Phú Xá 3, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Sửa đổi theo địa chỉ mới của Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD
2	Khoản 8, Điều 24	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	Bãi bỏ	Căn cứ điều 138, điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3	Khoản 8, Điều 32	Thành viên Ban kiểm soát có thể được thay thế và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	Bãi bỏ	Căn cứ điều 138, điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 1274 /TTr - TMC ngày 23/4/2026)

Phần 1. Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Công ty

I. Danh mục ngành nghề kinh doanh giữ nguyên như ngành nghề kinh doanh hiện hành: 21 ngành nghề.

Số TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại của TMC (quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty)		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
2	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
3	2410	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	Sản xuất sắt, thép, gang
4	2011	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011	Sản xuất hóa chất cơ bản
5	2432	Đúc kim loại màu	2432	Đúc kim loại màu
6	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại.	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
7	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
9	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
11	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
12	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
13	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
14	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
15	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
16	3700	Thoát nước và xử lý nước thải.	3700	Thoát nước và xử lý nước thải.
17	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
18	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
19	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
20	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
21	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

II. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi tên ngành (không thay đổi mã ngành): 06 ngành nghề

Số TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại của TMC (quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty)		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu
2	0710	Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng không chứa sắt.	0710	Khai thác quặng sắt;
3	3314	Sửa chữa thiết bị điện	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
4	3312	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
5	7410	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
6	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác:	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác

III. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi mã ngành (không thay đổi tên ngành): 02 ngành nghề.

Số TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại của TMC (quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty)		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt:	0729	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
2	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi cả tên ngành, mã ngành: 04 ngành nghề.

Số TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại của TMC (quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty)		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác
2	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
3	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
4	7210	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Phần 2. Danh mục ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi điều chỉnh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
2	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
3	Khai thác quặng sắt;	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
5	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
6	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
7	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
9	Đúc kim loại màu	2432
10	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
14	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
15	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
16	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
19	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát nước và xử lý nước thải.	3700
25	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
26	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.	3822
27	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
28	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
29	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
33	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620

Phần 3. Các ngành nghề SXKD đề nghị xem xét bổ sung vào danh mục

Số TT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại của TMC (quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty)		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1		Chưa có	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
2		Chưa có	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
3		Chưa có	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 1273 /TTr - TMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi bổ sung lần thứ 5 ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ-TMC ngày 01/10/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 1726/QĐ-TMC ngày 30/5/2024 của HĐQT Công ty;

Để đảm bảo thực hiện thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quản lý điều hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 1726/QĐ-TMC ngày 30/5/2024 của HĐQT Công ty (Có văn bản gửi kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận!

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*



Lý Xuân Tuyên



11- NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI BỔ SUNG
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 12/3/TTr-TMC ngày 23/4/2026)

STT	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (Quyết định số 1726/QĐ-TMC ngày 30/5/2024)	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ
1	Khoản 5 Điều 7 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực	Đề nghị bỏ nội dung khoản 5 điều 7	Theo quy định tại Luật DN vấn đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS phải do ĐHĐCĐ quyết định Cụ thể (điểm c khoản 2 Điều 138, Điều 160 LDN)
2	Điểm c khoản 1 Điều 8.... Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Giám đốc chi nhánh, đơn vị trực thuộc, Phó Trưởng phòng Công ty và các chức danh	Điểm c khoản 1 Điều 8.... Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Giám đốc chi nhánh, đơn vị trực thuộc, Phó Trưởng phòng Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý	Phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty (bỏ nội dung ký hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng)

STT	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (Quyết định số 1726/QĐ-TMC ngày 30/5/2024)	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ
	quản lý khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	nội bộ của Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	
3	Khoản 12 Điều 10. Công bố cho Công ty các khoản thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị nhận được từ các Công ty con đơn vị liên kết và tổ chức khác mà họ là đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty.	Đề nghị bỏ nội dung này	Sửa đổi cho phù hợp thực tế. Hiện nay Công ty không còn mô hình công ty con
4	Điều 25. Điều khoản thi hành 1. Quy chế này gồm 8 chương, 25 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico năm 2024 thông qua ngày 23/5/2024, chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1518/QĐ-TMC ngày 20/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.	Cập nhật lại nếu ĐHĐCD thường niên năm 2026 thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT	

Số: 1272 /TTr - TMC

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ năm ban hành kèm theo Quyết định số 3666/QĐ - TMC ngày 01/10/2025 của HĐQT Công ty;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Theo quy định Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, tuy nhiên tại 3 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2020; năm 2021 và năm 2023, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhưng đến nay Quy chế này chưa được ban hành do số phiếu tán thành không đạt tỷ lệ 65% theo Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo việc tuân thủ quy định quản trị của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo thẩm quyền (Có tài liệu gửi kèm).

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và chấp thuận!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu: VP, Thư ký Công ty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng điều chỉnh

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên Ban kiểm soát;
- c) Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty, các bộ phận và cá nhân giúp việc cho HĐQT, Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty;
- d) Cổ đông và cá nhân, tổ chức có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Giao dịch với người có liên quan;
- e) Báo cáo và công bố thông tin;

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng định nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ Công ty.

3. *Thành viên HĐQT độc lập* là thành viên được quy định tại khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

4. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán).

5. *Người điều hành Doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. *HDQT* là viết tắt của Hội đồng quản trị Công ty.

7. *BKS* là viết tắt của Ban kiểm soát Công ty.

8. *DHCD* là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.

9. *Quản trị Công ty* là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

10. *Điều lệ Công ty* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

11. *UBCKNN* là viết tắt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

12. *HNX* là viết tắt của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

13. *VSDC* là viết tắt của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và những người liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông được quyền đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 132 của Luật doanh nghiệp;

k) Các quyền khác theo quy định tại điểm i; điểm k; điểm l khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên HĐQT và BKS theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 24, Khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

g) Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), Ủy ban chứng khoán Nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty
2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
3. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
4. Phiếu biểu quyết;
5. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
6. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ

quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được uỷ quyền nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

11. Trước hoặc ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do HĐQT quyết định.

Điều 8. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết, hình thức biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết

1. Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số thứ tự, mã cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán

thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Các hình thức biểu quyết

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau đây:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT và Giám đốc Công ty;
- Báo cáo của HĐQT về đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty;
- Báo cáo của kiểm toán viên nếu thấy cần thiết và được HĐQT chấp thuận;
- Kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó nhưng không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi tham khảo ý kiến của các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần được quyền chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ Công ty; Phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý khi giải thể Công ty;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể Công ty; giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 14, Điều 19 Quy chế này.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả biểu quyết phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề đã được thông qua theo chương trình Đại hội.

Điều 9. Cách thức không thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp)

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết theo Điều 132 Luật Doanh nghiệp về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ sau đó lập biên bản ĐHĐCĐ và Chủ tọa thông qua tại ĐHĐCĐ trước khi bế mạc cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa Đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ.

4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 11. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT là những người có tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không được kiêm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.

5. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm của người quản lý công ty mẹ.

Điều 14. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng cử thành viên HĐQT

Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân và được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

2. Đề cử thành viên HĐQT

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT theo quy định tại các Khoản 2 Điều 13 Quy chế này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Khoản 1 Điều 24, Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

d) Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ

f) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

2. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT lập chương trình nghị sự, xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;

b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

c) Ban kiểm soát.

d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời gửi các thành viên Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

9. Biểu quyết

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, và những người được mời họp dự thính có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được

chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Biên bản cuộc họp HĐQT

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất của 01 thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty.

15. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Những người được mời họp dự thính

Thư ký Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng) và các

chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 18. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

b) Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Điều 19. Đề cử, ứng cử kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên BKS phải có

cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác, hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

2. Giới thiệu, đề cử kiểm soát viên

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 20. Bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định Quy chế này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số

phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 21. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

2. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM

MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty

- 1. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc Công ty

a) Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp, Điều 30 Điều lệ Công ty.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản trị kinh doanh trong ngành nghề chính của Công ty.

c) Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

d) Không đồng thời làm Giám đốc ở một đơn vị khác;

d) Giám đốc do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn Phó Giám đốc Công ty

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản trị kinh doanh trong một hoặc một số ngành nghề của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực phân công;

c) Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

d) Do Giám đốc giới thiệu, đề cử để HĐQT quyết định bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng Công ty

a) Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ Đại học trở lên.

c) Có thời gian công tác trong lĩnh vực kế toán ít nhất 05 (năm) năm.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.

e) Trung thực, mẫn cán và có uy tín;

f) Do Giám đốc Công ty giới thiệu, đề cử để HĐQT quyết định bổ nhiệm.

Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp nhận từ chức đối với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Công ty về quản lý cán bộ.

1. Đối với Giám đốc Công ty: Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân được đề xuất.

2. Đối với Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty: Giám đốc Công ty căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho HĐQT xem xét, quyết định.

3. Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý cán bộ của Công ty, Hội

đồng quản trị tổ chức biểu quyết theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty để ra nghị quyết và quyết định bổ nhiệm vào vị trí đã biểu quyết.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi HĐQT, HĐQT sẽ xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận được đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có quyết định của HĐQT thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. HĐQT Công ty có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a) Do yêu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b) Sức khỏe của cá nhân không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ Công ty, nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc phải chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định buộc thôi việc.

Điều 25. Ủy quyền, ủy nhiệm

1. Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó.

2. Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm.

3. Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

Điều 26. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp, Điều 31 Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

k) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 28. Quyền, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có quyền, nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác của pháp luật.

Điều 29. Hoạt động của Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT và chủ động tiến hành các hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc được quy định chi tiết tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 30. Mối quan hệ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty

1. Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình HĐQT; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại thì Giám đốc Công ty vẫn phải thực hiện theo nghị quyết của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Giám đốc Công ty được quyền từ chối thi hành vào bảo lưu các ý kiến đối với quyết định của HĐQT nếu thấy quyết định đó trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT, BKS bằng văn bản. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc Công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.

3. Giám đốc Công ty có quyền quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian gần nhất.

4. Giám đốc Công ty phải báo cáo trong cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ các nội dung được HĐQT, ĐHĐCĐ yêu cầu.

Điều 31. Quyền và nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có quyền, nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ có thể sử dụng

những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 33. Giao dịch với người liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của

Công ty thông qua kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

CHƯƠNG VIII CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 34. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động SXKD của Công ty, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

2. Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 35. Chế độ báo cáo, giám sát và xử lý vi phạm

1. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế quản trị với UBCKNN, HNX và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan, các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của UBCKNN, SGDC và các cơ quan thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm

Công ty, tổ chức và cá nhân có liên quan không thực hiện các quy định tại quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty mà không công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, HNX theo quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua, trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Mọi vấn đề trong quy chế này mà trái với Điều lệ Công ty thì sẽ lấy điều lệ Công ty làm tiêu chuẩn để thực hiện./.